CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa

Ngày 31/03/2025	42,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-9.5%	**0.3%**	**11.5%**

DT thuần
Q1/25
339
tỷ VNĐ
QoQ: ▼20.0| -5.6%
YoY: ▲ 49.0| 16.8%

LN thuần
Q1/25
73.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.50| -7.0%
YoY: ▲ 7.00| 10.6%

LN sau thuế
Q1/25
58.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.10| -6.6%
YoY: ▲ 6.80| 13.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
21.6%
YoY: +/-▼ 0.2%

ROE (TTM)
Q1/25
32.7%
YoY: +/-▼ 1.8%

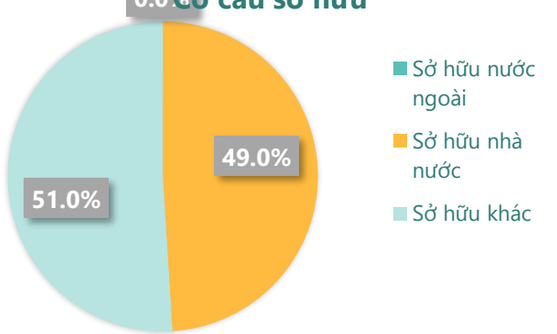
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	28,798 - 46,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,962
Số lượng CPLH (CP)	46,720,560
KLGD BQ 20 phiên (CP)	104,785
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.81
EPS	4,811
P/E	8.7

DT thuần
2024
1,304
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 301| 30.0%

LN thuần
2024
284
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 127| 81.2%

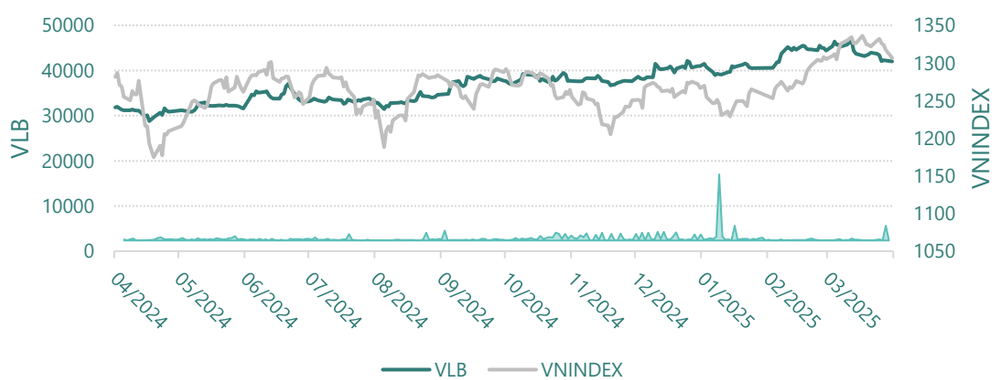
LN sau thuế
2024
218
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 75.0| 52.9%

Cơ cấu sở hữu

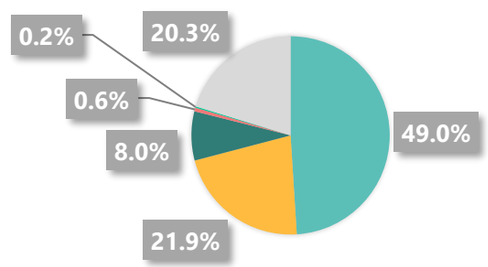


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

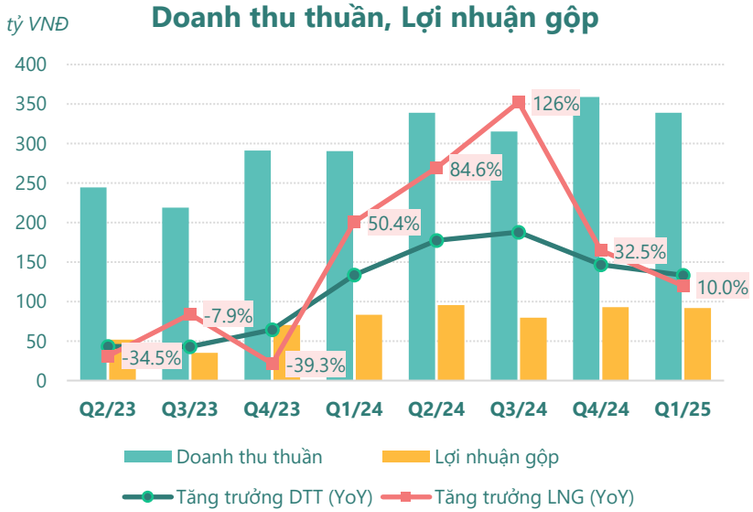


- Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - TNHH MTV
- Công ty TNHH Đầu tư KSB
- CTCP Hóa An
- CTCP Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa
- Nguyễn Xuân Việt

(Nguồn: fireant.vn)

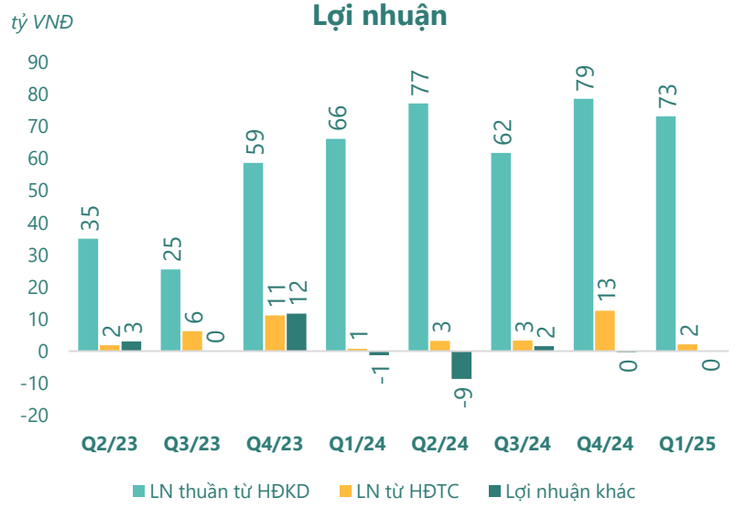
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



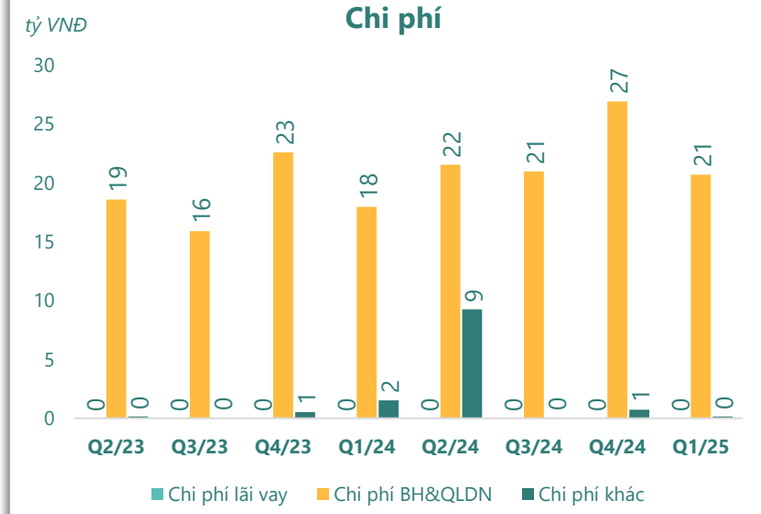
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



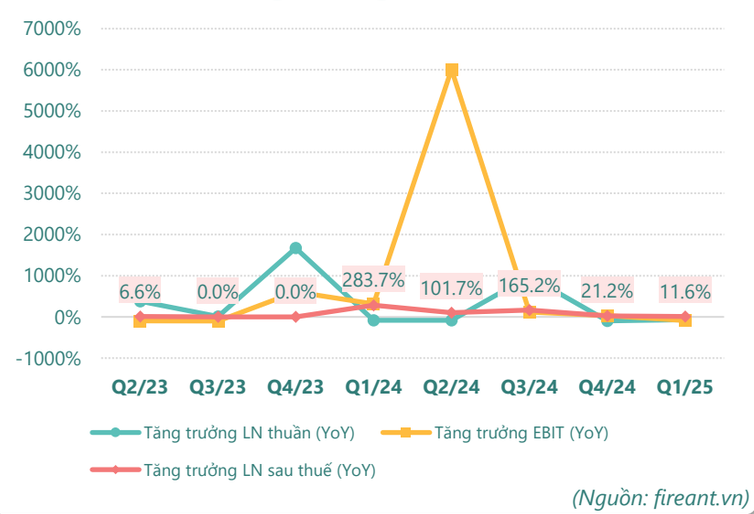
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



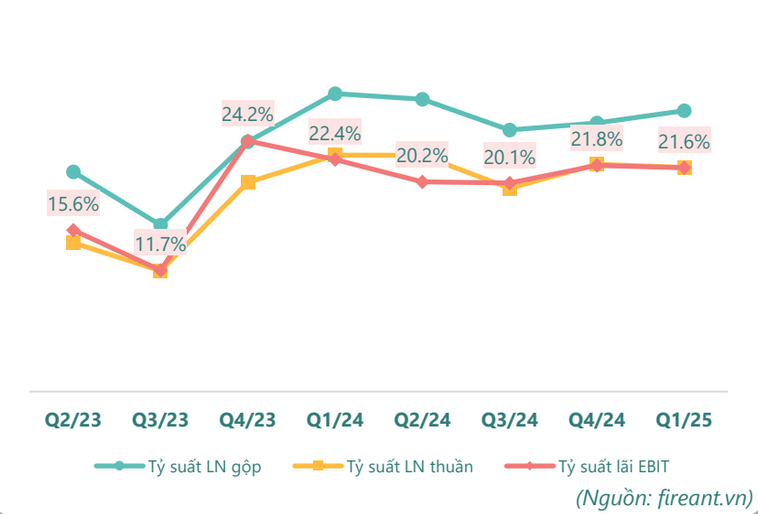
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



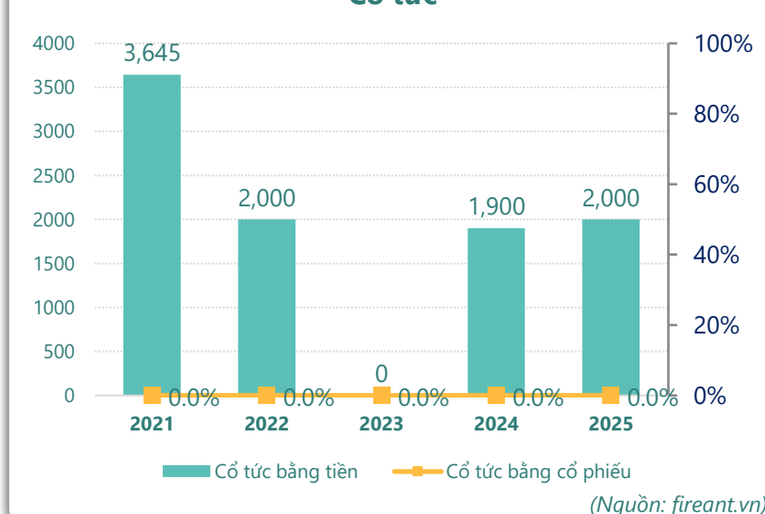
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

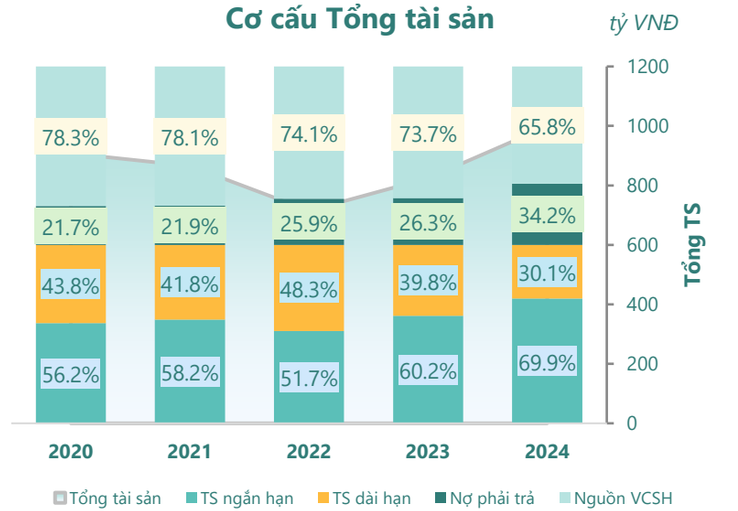
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

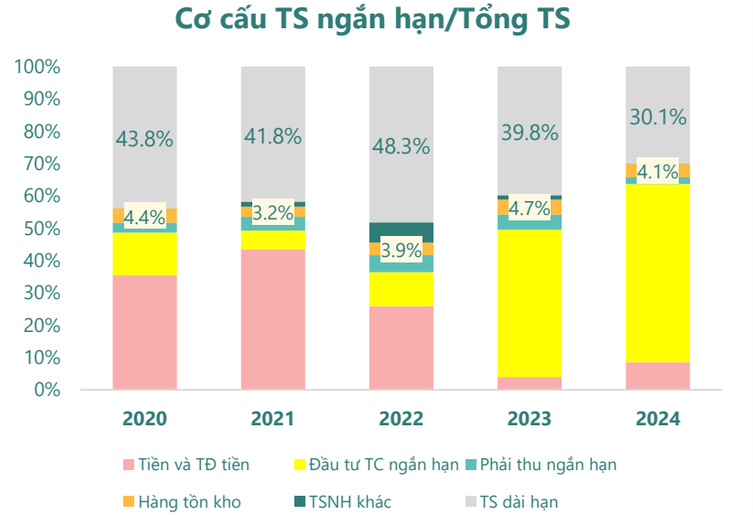
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



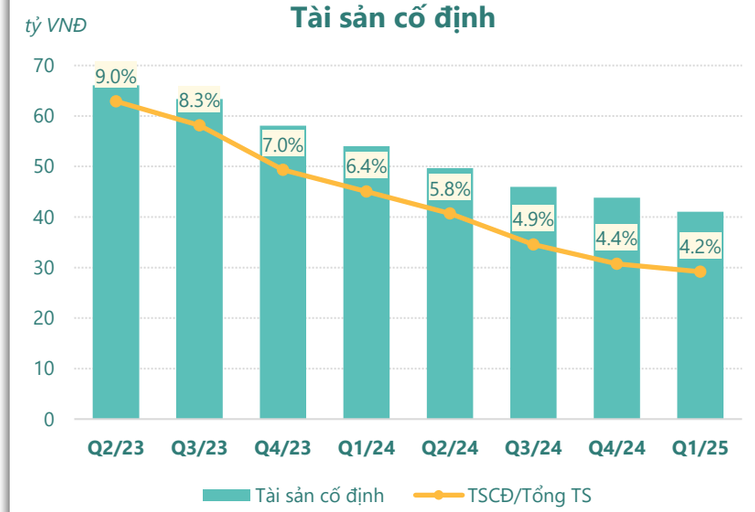
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



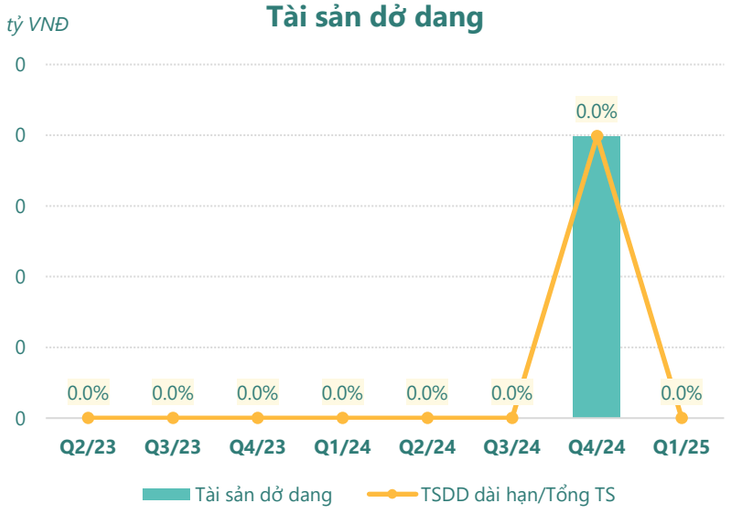
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



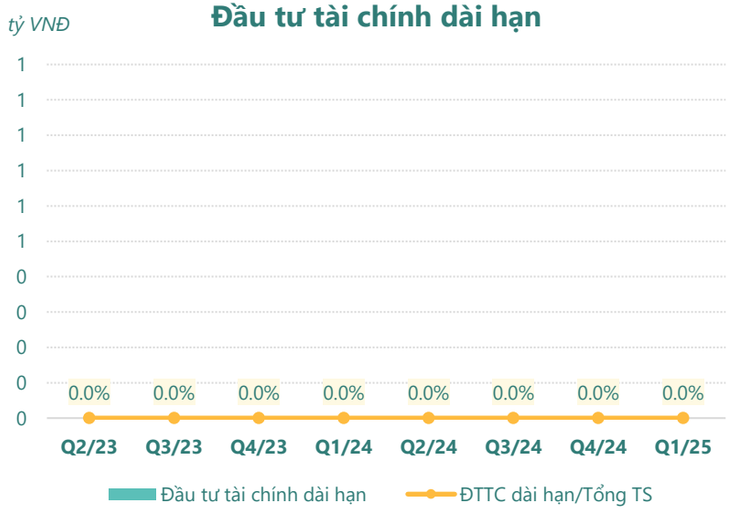
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



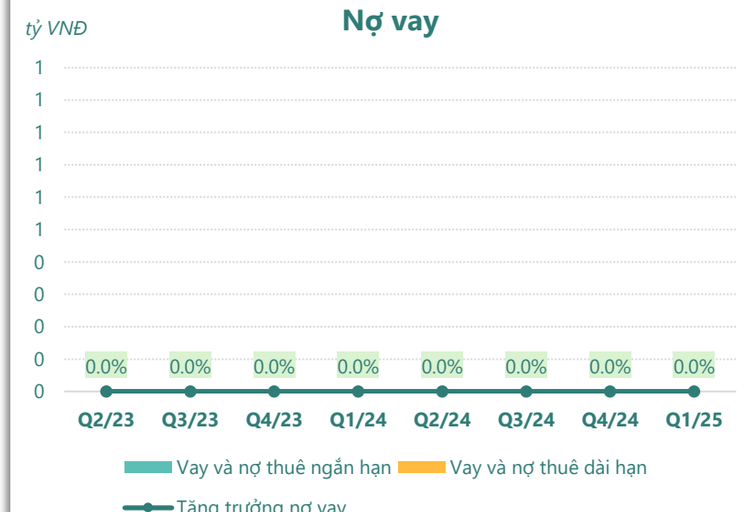
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

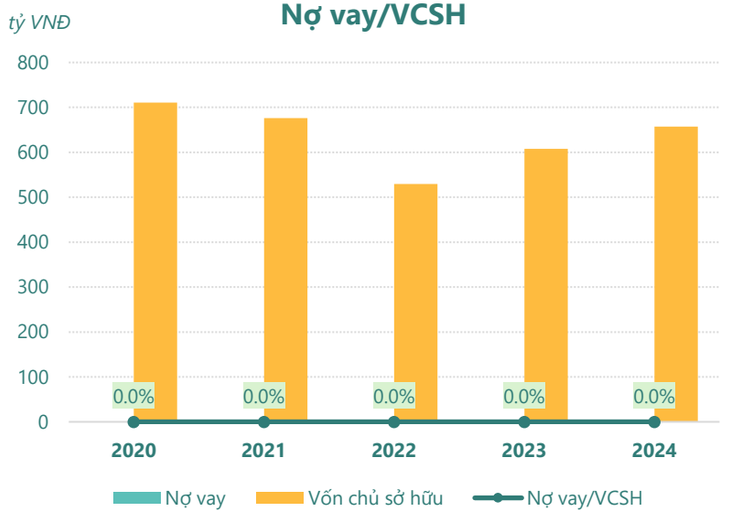
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

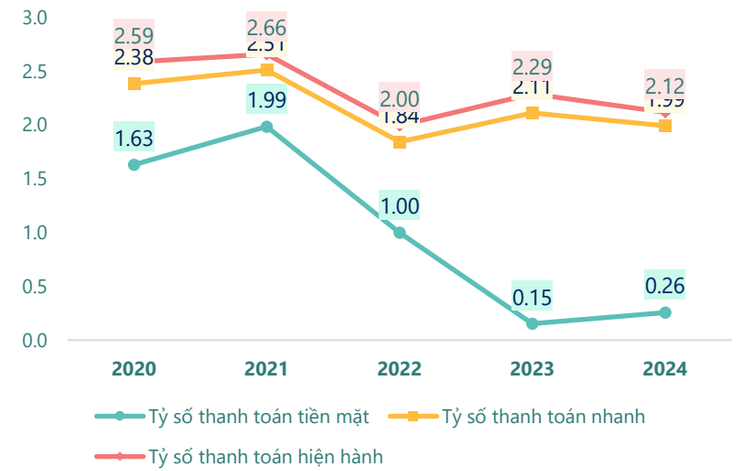
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



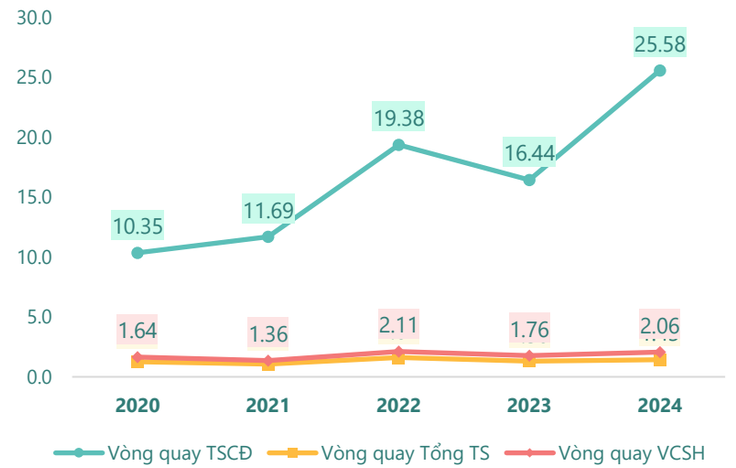
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



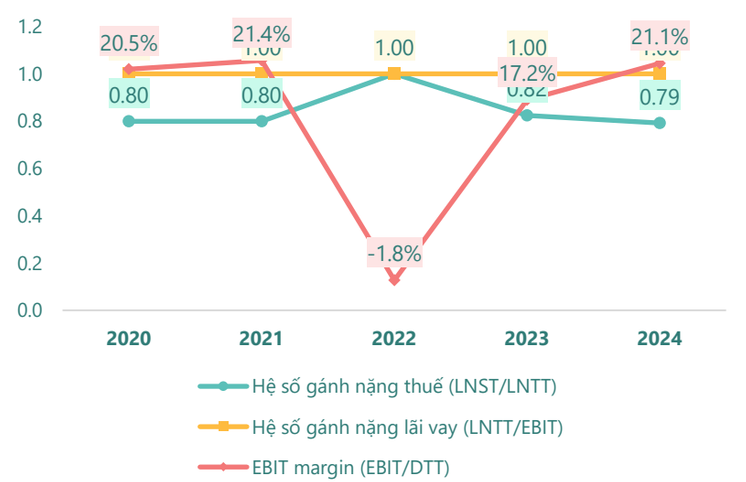
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



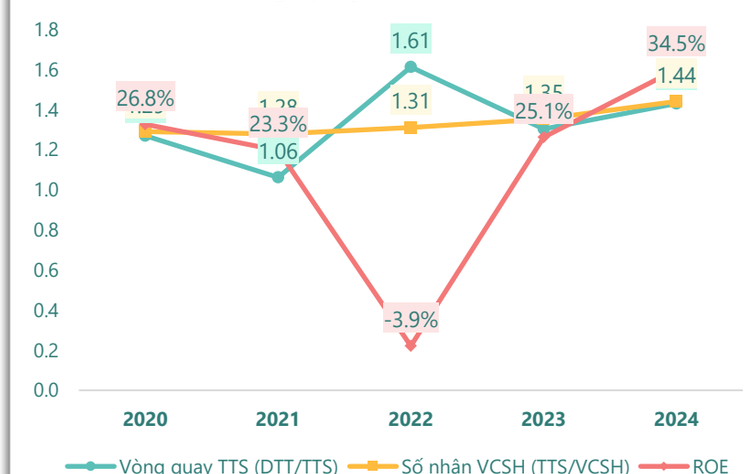
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



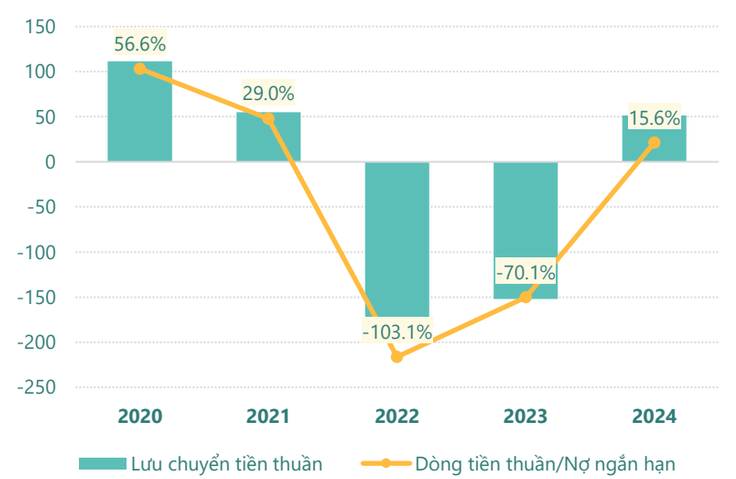
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**339**	**290**	**16.8%**	**1,304**	**1,003**	**30.0%**
Giá vốn hàng bán	247	207	19.3%	952	791	20.4%
Lợi nhuận gộp	91.8	83.5	10.0%	352	212	65.7%
Doanh thu HĐTC	2.10	0.74	183%	19.9	19.6	1.5%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.11	2.10	47.9%	11.2	13.7	-18.0%
Chi phí QLDN	**17.6**	**15.9**	**10.8%**	**76.2**	**61.3**	**24.4%**
LN thuần từ HĐKD	73.2	66.2	10.6%	284	157	81.2%
Lợi nhuận khác	**-0.07**	**-1.25**	**94.7%**	**-8.73**	**16.2**	**-154%**
LN trước thuế	73.1	65.0	12.5%	275	173	59.1%
Lợi nhuận sau thuế	**58.5**	**51.7**	**13.1%**	**218**	**143**	**52.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**58.5**	**51.7**	**13.1%**	**218**	**143**	**52.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	68.0	27.5	112	81.5	79.4	-20.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-49.4	-32.4	-34.1	-65.5	-28.2	-26.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-88.8	0	0	0
Tiền đầu kỳ	14.6	33.2	28.2	17.4	33.4	84.6
Lưu chuyển tiền thuần	**18.6**	**-4.98**	**-10.8**	**16.0**	**51.2**	**-47.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	33.2	28.2	17.4	33.4	84.6	37.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**985**	**998**	**-1.4%**
Tài sản ngắn hạn	689	698	-1.2%
Tiền và tương đương tiền	37.5	84.6	-55.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	585	551	6.3%
Phải thu ngắn hạn	30.8	21.3	44.8%
Hàng tồn kho	36.0	41.3	-12.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.00	-100%
Tài sản dài hạn	**295**	**301**	**-1.9%**
Phải thu dài hạn	33.6	32.6	3.0%
Tài sản cố định	41.0	43.8	-6.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.20	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**221**	**224**	**-1.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	269	341	-21.2%
Nợ ngắn hạn	**256**	**330**	**-22.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	34.7	20.5	69.0%
Nợ dài hạn	12.9	11.8	9.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**716**	**657**	**8.9%**
Vốn chủ sở hữu	**716**	**657**	**8.9%**
Vốn điều lệ	469	469	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)